

KINH NGHIỆM XÓA BUÔN, LÀNG “TRẮNG” ĐẢNG VIÊN Ở TÂY NGUYÊN

Phạm Quang Vịnh
Phó vụ trưởng Vụ Địa phương II
Ban Tổ chức Trung ương

Tây Nguyên giữ một vị trí chiến lược rất quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng. Địa bàn Tây Nguyên có năm tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, diện tích đất tự nhiên 56.000 km², chiếm 16,9% diện tích cả nước, dân số trên 3 triệu người. Đây là vùng đất rộng, nơi cư trú của 45 dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, trong đó có nhiều dân tộc thiểu số. Phần lớn dân cư ở đây sống phân tán ở các vùng núi cao hẻo lánh, một bộ phận sống du canh, du cư, phá rừng làm rẫy. Vì vậy, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân khó khăn, trình độ dân trí thấp, nhiều hủ tục lạc hậu chưa được xóa bỏ. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương những năm gần đây diễn biến phức tạp.

Ở Tây Nguyên, vai trò của thôn, buôn, làng, bon, bản (sau đây xin gọi tắt là buôn, làng) có vị trí hết sức quan trọng. Trong Kết luận 148-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 16-7-2004 về tình hình, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục phát triển vùng Tây Nguyên toàn diện, bền vững đã xác định: “Buôn, làng là bộ phận rất quan trọng và là địa bàn chủ yếu ở cấp cơ sở”. Tổ chức đảng, đoàn thể vững mạnh là cơ sở vững chắc để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng. Hiện nay, Tây Nguyên có 5.510 buôn, làng. Trong đó, tỉnh Gia Lai có 1.915, Kon Tum: 807, Đắk Lắk: 1.948, Đắk Nông: 502, Lâm Đồng: 1.238. Khoảng 10 năm trở lại đây, số buôn, làng ở các tỉnh Tây Nguyên tăng đáng kể. Từ năm 1992 đến năm 2004, tỉnh Kon Tum tăng 209 làng. Từ năm 2000 đến năm 2004, tỉnh Gia Lai tăng 185 buôn. Từ năm 1995 đến nay, số thôn, buôn của tỉnh Đắk Lắk cũng tăng đáng kể, trong đó có một số thôn, buôn, bản của đồng bào dân tộc Thái, Nùng, Tày, Mông của các tỉnh phía Bắc di cư.

Những năm qua, các cấp ủy đảng ở Tây Nguyên thường xuyên quan tâm phát triển đảng viên ở các buôn, làng. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2000 - 2005 nêu rõ: “Chú trọng phát triển đảng viên ở những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng. Chú ý chọn nguồn trong số quần chúng ưu tú từ các phong trào cách mạng ở cơ sở, trong đội ngũ giáo viên, sinh viên, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang”. Hơn 10 năm trước (tháng 11-1993), Ban Thường vụ Tỉnh ủy (BTVTU) Kon Tum đã ra Chỉ thị về công tác phát triển đảng viên ở thôn, làng, vùng kinh tế. Sau nhiều năm thực hiện Chỉ thị, Kon Tum đã kết nạp được 6.251 đảng viên. Quán triệt chủ trương của Trung ương, BTVTU Kon Tum đã chỉ đạo phát triển đảng viên ở vùng đồng bào có đạo với phương châm thận trọng, chặt chẽ, vững chắc và có trọng điểm. Do đó, số quần chúng ưu tú là giáo dân nổi riêng và trong toàn Tỉnh nói chung được kết nạp vào Đảng ngày càng tăng. Nếu năm 1992, toàn tỉnh Kon Tum còn tới 29,96% buôn, làng “trắng” đảng viên thì đến tháng 3-2005 đã giảm xuống hơn một nửa, còn 13,25%. BTVTU Gia Lai vận dụng linh hoạt một số tiêu chuẩn kết nạp đảng viên phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương: Có thể

xem xét, kết nạp vào Đảng quần chúng ưu tú là người dân tộc thiểu số tốt nghiệp tiểu học hoặc sinh con thứ 3, với điều kiện người đó có uy tín trong nhân dân và phải là lao động giỏi. Tỉnh ủy còn hướng dẫn cụ thể thủ tục kết nạp vào Đảng quần chúng ưu tú là người có đạo; giao Tỉnh đoàn xây dựng đề án tập hợp và kết nạp đảng viên là thanh niên dân tộc thiểu số. Nhờ vậy, trong 4 năm (2000-2004) toàn Tỉnh đã kết nạp được 4.937 đảng viên, xóa được 80 buôn, làng “trắng” đảng viên, hạ thấp số buôn, làng “trắng” đảng viên toàn Tỉnh còn 8,14%.

Đầu năm 2004, tỉnh Đắk Nông còn 9,5% số buôn, làng chưa có đảng viên. BTVTU Đắk Nông đã đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng viên trong con em đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, phân công công tác và chuyển sinh hoạt đảng một số đảng viên đang làm việc ở xã, huyện về các buôn, làng chưa có đảng viên để xây dựng phong trào, phát hiện quần chúng ưu tú để bồi dưỡng kết nạp đảng. Nhờ vậy, đến cuối năm 2004, toàn Tỉnh chỉ còn 7,96% số thôn “trắng” đảng viên.

Năm 2002, Tỉnh ủy Đắk Lắk ban hành Chương trình hành động số 07-CTHĐ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở thôn, buôn, tổ dân phố, trọng tâm là phát triển đảng viên và xây dựng tổ chức đảng. Nhờ chỉ đạo sát sao của các cấp ủy, số buôn, làng chưa có đảng viên toàn Tỉnh đã giảm còn 6,44%. Năm 1996, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã xây dựng Kế hoạch 05-KH/TU chỉ đạo công tác phát triển đảng viên ở các buôn, làng. Nhờ các cấp ủy thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch, đến nay tình hình có chuyển biến tích cực, số thôn, buôn “trắng” đảng viên toàn Tỉnh đã giảm, chỉ còn 3,31%.

Thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW của Ban Bí thư về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 Ngày sinh của Người, các tỉnh ở Tây Nguyên đã có thêm nhiều quần chúng ưu tú là người dân tộc thiểu số ở các buôn, làng được kết nạp vào Đảng. Nhờ chủ trương đúng, giải pháp tích cực của các cấp ủy đảng, số buôn, làng “trắng” đảng viên ở các tỉnh Tây Nguyên giảm xuống còn 7,82%. Kết quả này tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Ở những buôn, làng có đảng viên, tiếng nói của Đảng đến với dân nhanh hơn, mối quan hệ đoàn kết giữa đảng viên với già làng, chức sắc tôn giáo tạo được sức mạnh, làm rường cột trong các phong trào quần chúng ở nông thôn. Vì vậy, tạo đà cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn nhanh hơn, an ninh và trật tự xã hội được đảm bảo tốt hơn.

Tuy vậy, nhìn tổng thể, công tác phát triển đảng viên ở các tỉnh Tây Nguyên còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ buôn, làng “trắng” đảng viên còn cao so với bình quân chung của cả nước.

Sở dĩ còn tình trạng này là do:

Về khách quan, tỷ lệ phát triển dân số trong đồng bào dân tộc thiểu số cao dẫn đến việc tách buôn, làng ngày càng nhiều, theo đó, số buôn làng “trắng” đảng viên cũng tăng theo. Đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng kinh tế mới khó khăn, trình độ dân trí thấp. Khoảng cách từ buôn, làng này đến buôn, làng khác, từ buôn, làng đến xã xa, do đó, đảng viên được phân công theo dõi, giúp đỡ cảm tình đảng gặp nhiều khó khăn. Về chủ quan, một số cấp ủy và tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng buôn, làng vững mạnh và công tác phát triển đảng viên, do đó chỉ đạo thiếu kiên quyết. Một số đảng ủy, chi bộ chưa có

ng nghị quyết chuyên đề và giải pháp hữu hiệu, đồng bộ nên không kết nạp được đảng viên. Năm 2004, tỉnh Gia Lai có tới 253 tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) không kết nạp được đảng viên. Các xã Đắc An (huyện Ngọc Hồi), xã Sa Nghĩa (huyện Sa Thầy) tỉnh Kon Tum nhiều năm liên tục không kết nạp được đảng viên. Một số TCCSĐ yếu kém kéo dài do mất đoàn kết nội bộ, không quan tâm đến công tác phát triển đảng viên. Một số nơi tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh không tập hợp được đoàn viên, hội viên, không làm tròn trách nhiệm giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp. Do tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, một bộ phận đoàn viên thanh niên chạy theo lối sống thực dụng, thiếu tu dưỡng rèn luyện, ít thiết tha phấn đấu vào Đảng. Một số thủ tục kết nạp đảng viên ở không ít nơi còn rườm rà. Những yếu tố trên đã ảnh hưởng tiêu cực đến công tác phát triển đảng viên.

Từ thực tế nói trên có thể rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, các cấp ủy và tổ chức đảng cần nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên và xóa bỏ, làng “trắng” đảng viên đối với xây dựng hệ thống chính trị và xây dựng tiềm lực kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, xây dựng nghị quyết chuyên đề, kế hoạch, chương trình phát triển đảng viên phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương. Cần thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, kế hoạch, chương trình; định kỳ sơ, tổng kết để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết, nhược điểm nhằm đạt các yêu cầu, mục tiêu đặt ra.

Hai là, các cấp ủy, tổ chức đảng phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, từ phát hiện, tạo nguồn phát triển đảng viên đến tuyên truyền, giáo dục, giao nhiệm vụ, xúc tiến các thủ tục xác minh lý lịch, xây dựng cốt cán trong chi bộ sinh hoạt ghép để khi có đủ điều kiện thành lập chi bộ độc lập...

Ba là, những đảng viên được chỉ bộ phân công theo dõi, giúp đỡ quần chúng vào Đảng và chi đoàn thanh niên tại địa phương phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trong theo dõi, giúp đỡ người vào Đảng. Phải sâu sát động viên, tuyên truyền, giác ngộ, tạo điều kiện phấn đấu và báo cáo đầy đủ với chi bộ về quá trình phấn đấu, rèn luyện của cảm tình Đảng, khi đủ điều kiện kịp thời đề nghị xét kết nạp. Bốn là, đối với những quần chúng là người dân tộc thiểu số, tổ chức đảng, đoàn thể cần chủ động, kiên trì trong giúp đỡ, giáo dục, không nên “ngồi chờ” quần chúng tự trưởng thành mà phải tích cực tác động, tạo điều kiện thuận lợi để họ trưởng thành nhanh. Phải sâu sát, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn, giao cho quần chúng từ việc giản đơn đến phức tạp để họ có điều kiện thực hiện có kết quả, nâng dần giác ngộ, xây dựng động cơ đúng đắn, quyết tâm phấn đấu vào Đảng.

Năm là, ban tổ chức các tỉnh, thành ủy, huyện, quận, thị ủy, đảng ủy trực thuộc chủ động tham mưu để ban thường vụ ban hành những quy định cụ thể phù hợp với đặc thù của địa phương, nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng ưu tú là người dân tộc thiểu số phấn đấu vào Đảng. Sau khi quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, cấp ủy giao nhiệm vụ cho đảng viên đó tiếp tục học tập, phấn đấu vươn lên về mọi mặt để đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của công việc.

Với những kinh nghiệm đã tích lũy được, các cấp ủy ở các tỉnh Tây Nguyên, tiến tới xóa hết số buôn, làng “trắng” đảng viên trong tương lai gần.